

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 10 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Hải.

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Kim T, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Số căn cước công dân: 096172001467, cấp ngày 04/3/2022.

Địa chỉ: Nhà Máy A, xã Khánh H, tỉnh Cà M.

Bị đơn: Ông Mai Văn L, sinh năm: 1969 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh Ng, xã Khánh H, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Kim T là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Mai Văn L chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 06 tháng 3 năm 2015 (Nay là UBND xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó một vài năm thì ông, bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông không quan tâm, chăm sóc vợ mà còn đuổi vợ ra khỏi nhà nhiều lần. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông nhưng ông không thay đổi dẫn đến vợ, chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ, chồng cha, mẹ hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải, hàn gắn. Ông, bà không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Mai Văn L.

Về con chung: Bà T xác định chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Bà T xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông L xác định chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Trương Kim T về việc xin ly hôn với ông Mai Văn L thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; ông L là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Kinh Ng, xã Khánh H, tỉnh Cà M nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Mai Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trương Kim T và ông Mai Văn L chung sống vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06 tháng 3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau), có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của ông, bà có mâu thuẫn là đúng vì theo ông L, bà T thì vợ chồng ông, bà có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm theo ông, bà không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Ông, bà đã cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi từ năm 2018 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, ông, bà đều yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung: Ông L, bà T xác định chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông L, bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Kim T về việc xin ly hôn ông Mai Văn L.

2. Về con chung: Ông L, bà Tt xác định chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông L, bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Trương Kim T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02 tháng 10 năm 2025, bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000843 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thuý Dung